

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6- ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS-ST

Ngày: 25/8/2025

*“V/v tranh chấp về
hợp đồng dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hoàng

Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025, về việc “Tranh chấp về dân sự - hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ 18, ấp Đông Bình, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà T là chị Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1987; địa chỉ: số 1D, Lê Thị Riêng, Phường X, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ 18, ấp Đông Bình, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Bùi Ngọc Tuyết T, sinh năm 2004

Địa chỉ: Tổ 18, ấp Đông Bình, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Nguyễn Thị Hồng D có mặt, bà Phạm Ngọc N, chị Bùi Ngọc Tuyết T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn Lê Thị T, người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Hồng D trình bày:

Bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Phạm Ngọc N trả cho

bà T số tiền vốn gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 10/6/2020 đến ngày 10/9/2024 là 70.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 51 tháng = 59.262.000 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 129.262.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Bà T yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật với lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 10/9/2024 đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết, bà Lê Thị T rút đổi với yêu cầu: số tiền lãi từ ngày 10/6/2020 đến ngày 10/9/2024 là 70.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 51 tháng = 59.262.000 đồng, yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật với lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 10/9/2024 đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngày 10/6/2020, bà Phạm Ngọc N có hỏi vay của bà Lê Thị T số tiền 70.000.000đồng, nhưng do lúc này chị Bùi Ngọc Tuyết T (con gái ruột của bà N) có nhiều tài sản, trong khi bà N cho rằng không có tài sản để trả cho khoản tiền vay này. Do đó, bà T yêu cầu chị T phải ký bảo lãnh cho khoản tiền vay của bà N. Sau đó, hai mẹ con bà N thống nhất nên bà T đã giao trực tiếp số tiền nêu trên cho bà Phạm Ngọc N (có sự chứng kiến của chị T), việc giao tiền tại nhà bà T.

Tại nội dung biên nhận đề ngày 10/6/2020, dòng thứ 6 từ trên xuống đề nội dung: “Bà T người bảo lãnh: Bùi Ngọc Tuyết T là con gái Phạm Ngọc N.” Nội dung dòng này thể hiện nội dung chị T đồng ý bảo lãnh cho mẹ của chị T là bà Phạm Ngọc N.

Do bản chất vụ án là bà Phạm Ngọc N là người trực tiếp vay của bà T, bà N là người nhận tiền trực tiếp (bằng tiền mặt) của bà T (tại biên nhận không đề tiêu đề đã thể hiện nội dung như trên). Vì thế, bà T xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, không phải là “Tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh” như các đơn khởi kiện trước đây. Đối với chị Bùi Ngọc Tuyết T trong vụ án này bà T xác định bà T không yêu cầu chị T trả tiền cho bà T và không yêu cầu đưa chị T tham tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà Lê Thị T yêu cầu bà Phạm Ngọc N trả số tiền vốn gốc là 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay đến khi xét xử, yêu cầu tính lãi kể từ ngày tòa án tuyên án đến khi Phạm Ngọc N trả đủ tiền cho bà.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Phạm Ngọc N, chị Bùi Ngọc Tuyết T vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay đồng thời bà N, chị T không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn bà Phạm Ngọc N, Địa chỉ: Tổ 18, ấp Đông Bình, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh (nay là phường Cao Lãnh) tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Phạm Ngọc N, chị Bùi Ngọc Tuyết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà Phạm Ngọc N, chị Bùi Ngọc Tuyết T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên bà N, chị T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Ngọc N, chị Bùi Ngọc Tuyết T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về tiền vốn vay: Ngày 10/6/2020, bà Phạm Ngọc N có hỏi vay của bà Lê Thị T số tiền 70.000.000đồng có chứng cứ là biên nhận đề ngày 10/6/2020 tại dòng thứ 6 từ trên xuống biên nhận đề nội dung: “Bà T người bảo lãnh: Bùi Ngọc Tuyết T là con gái Phạm Ngọc N.” Cuối biên nhận có chữ ký của bà N, chữ ký và tên của chị T. Bà Lê Thị T yêu cầu bà Phạm Ngọc N trả số tiền vốn gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay đến khi xét xử, yêu cầu tính lãi kể từ ngày tòa án tuyên án đến khi Phạm Ngọc N trả đủ tiền cho bà.

Xét việc bà Lê Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi tính từ ngày 10/6/2020 đến ngày 10/9/2024 là 70.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 51 tháng = 59.262.000 đồng, yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật với lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 10/9/2024 đến khi giải quyết xong vụ án, là tự nguyện và có lợi cho bị đơn bà N, phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 217, Điều 218, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Số tiền trên cùng tài liệu chứng cứ bà Lê Thị T cung cấp, Tòa án đã thông báo cho bà Phạm Ngọc N biết nhưng bà không có ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan phủ định tài

liệu, chứng cứ bà Lê Thị T cung cấp và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện bà Phạm Ngọc N có vay của bà Lê Thị T số tiền 70.000.000 đồng, giao dịch này đủ điều kiện có hiệu lực pháp luật nên bà Phạm Ngọc N phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng theo quy định tại Điều 401, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với chị Bùi Ngọc Tuyết T cũng như trách nhiệm bảo lãnh số tiền vay, bà Lê Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4 Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Bà Phạm Ngọc N phải trả cho bà Lê Thị T số tiền vốn vay là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng theo biên nhận ngày 10/6/2020.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tiền lãi tính từ ngày 10/6/2020 đến ngày 10/9/2024 là $70.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/\text{tháng} \times 51 \text{ tháng} = 59.262.000 \text{ đồng}$, yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật với lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 10/9/2024 đến khi giải quyết xong vụ án

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Ngọc N phải chịu 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị T được nhận tiền tạm ứng án phí là 3.232.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0013331 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND khu vực 6;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Mai

